TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân
Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Út N,** sinh năm: 1991; CCCD số 075191012544.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố N, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh T**, sinh năm: 1987; CCCD số 075087010002

Địa chỉ: Tổ 31, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh T cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/04/2023, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trương Thị Út N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T quen biết nhau khoảng 03 tháng thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2017. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn tôi và anh T sống chung tại nhà chồng tại ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng đầu năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung. Anh T không quan tâm, lo lắng cho gia đình, ngoài ra anh T còn thường xuyên ăn nhậu, đánh đập vợ con. Ngoài ra tôi nghi ngờ anh T có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, tôi không

có bằng chứng nhưng tôi có đọc được một vài tin nhắn anh T nhắn cho người phụ nữ khác. Anh T đi làm chỉ được 01 năm đầu sau khi kết hôn thì có đưa tiền về lo cho kinh tế gia đình, những năm sau đó anh T làm chỉ đủ lo cho bản thân không chu cấp tiền chăm lo cho cuộc sống gia đình, anh T không lo cho con cái, không chu cấp tiền cho tôi nuôi con. Khoảng năm 2020 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân, tôi chuyển về nhà cha mẹ ruột tại Long Khánh để ở, còn anh T vẫn ở nhà chồng cho đến nay. Từ khi ly thân hai vợ chồng không quan tâm cuộc sống của nhau, cháu Tú do anh T nuôi dưỡng từ đó đến nay, chỉ thỉnh thoảng tôi về nhà chồng để đưa con đi chơi hoặc anh T đưa cháu T1 về chơi cùng gia đình tôi vào cuối tuần, còn lại thời gian hai vợ chồng không qua lại tình cảm cũng không có thái độ hòa giải, bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên cũng không quan tâm hòa giải do thấy mâu thuẫn vợ chồng đã gay gắt, hiện nay hai vợ chồng chỉ còn trách nhiệm với con cái.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã gay gắt và không thể khắc phục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng tôi chung sống có 01 con chung cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 06/10/2018. Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu T1 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Do hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh T từ 2019 đến nay nên tôi không muốn thay đổi cuộc sống của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2023 bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị N quen biết tìm hiểu nhau một thời gian khoảng gần 01 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã x, huyện t, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2017. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn tôi và chị N sống chung cùng cha mẹ tôi tại địa chỉ tổ 31, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 03 năm nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị N không muốn ở nhà nội mà chỉ về nhà ngoại ở, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Chị N cho rằng tôi thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập chị N tôi không thống nhất theo lời trình bày này, vì tôi chỉ uống một chút khi đi làm về chứ không uống Nều, tôi cũng chưa từng đánh đập chị N lần nào. Việc chị N cho rằng tôi có người khác bên ngoài là do chị N ghen tuông vô cớ, không có căn cứ.

Khoảng 03 năm nay do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân, chị N tự dọn đồ đạc về nhà ngoại ở cho đến nay, còn tôi vẫn sống tại nhà của cha mẹ tôi. Từ khi vợ chồng

sống ly thân đến nay, vợ chồng không quan tâm cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng chỉ còn trách nhiệm với con cái, lâu lâu tôi vẫn đưa con về nhà chị N chơi vài ngày rồi lại đón con về.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày.

Nay nhận thấy vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài (khoảng 03 năm), tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, tình trạng mâu thuẫn kéo dài. Vì vậy chị N nộp đơn ly hôn tôi đồng ý theo yêu cầu của chị N. Tuy Nên do bận công việc nên tôi không có thời gian đến Tòa án làm việc.

Về con chung: Vợ chồng tôi chung sống có 01 (một) con chung là cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 06/10/2018. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Hiện nay tôi làm nghề tài xế thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 9 triệu đồng. Ngoài ra tôi sống cùng cha mẹ nên có điều kiện được cha mẹ giúp đỡ việc chăm sóc và nuôi dạy con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Út N được ly hôn với anh Lê Thanh T.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 06/10/2018 cho anh Lê Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Trương Thị Út N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn anh Lê Thanh T hiện đang cư trú tại tổ 31, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Út N và anh Lê Thanh T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2017. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự cả chị N và anh T đề thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn sau một thời gian chung sống với nhau, mâu thuẫn gay gắt khoảng 03 năm nay phần lớn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân, tuy biết mâu thuẫn đã phát sinh nhưng không có hướng khắc phục mà bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra. Vợ chồng ly thân nhau khoảng 03 năm nay và không quan tâm cuộc sống của nhau, chị N và anh T đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc do cả hai đều đã hết tình cảm và không còn muốn gắn bó với nhau.

Theo cả nguyên đơn chị N và bị đơn anh T đều cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, cả hai đều thừa nhận quá trình sống ly thân vợ chồng ít khi qua lại với nhau, chỉ thỉnh thoảng anh T đưa con về thăm chị N, vợ chồng chỉ còn trách Nệm với con cái, anh T đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị N tuy Nên do bận rộn công việc không có điều kiện đi lại nên anh không thể lên Tòa án làm việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cư trú của anh T để xác minh thu thập chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T cùng với đó đến nhà anh T để lấy lời khai, anh T đồng ý cung cấp lời khai và

nhận các văn bản giấy tờ của Tòa án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh T không đến tham gia hòa giải với lý do bận rộn công việc và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy có thể nhận thấy cả chị N và anh T đều không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh T đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 06/10/2018. Hiện con chung đang sống cùng anh T và ông bà nội.

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu T1 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng với sự giúp đỡ của gia đình, cháu hiện phát triển tốt. Chị N và anh T đều thống nhất ý kiến với nhau về việc giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần ghi nhận ý kiến của anh chị trong vấn đề này. Anh T hiện nay làm tài xế có thu nhập bình quân hàng tháng ổn định khoảng 9 triệu đồng, ngoài ra anh có sự giúp đỡ kinh tế từ gia đình, vì vậy nên anh T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ nên cần tiếp tục giao cháu Lê Thanh T1 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Út N về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Út N được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Thanh Tú, sinh ngày 06/10/2018 cho anh Lê Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N do anh T không có yêu cầu.

Chị Trương Thị Út N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trương Thị Út N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009352 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trương Thị Út N và anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã x, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai
(số ĐKKH 86, ngày 15/12/2017);
- Các đương sự;
- Lưu.

Phan Ngọc Thành